

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 14 - 9 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Kim Oanh;

Ông Phạm Xuân Hào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Nữ T N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ A, ấp B, thị trấn L, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Minh Đ, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi hoà giải bà Nguyễn Nữ T N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Đỗ Minh Đ sống chung vợ chồng từ năm 2015, việc sống chung hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 01/02/2016. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân do ông Đ không lo làm ăn, vun vén gia đình, không quan tâm vợ con, nhiều lần vay nợ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bà

không còn tin tưởng ông Đ nữa. Vợ chồng không thương yêu, tôn trọng lẫn nhau, mỗi ngày trôi qua là chỉ cãi nhau, cuộc sống vô cùng nặng nề. Hiện tại đã sống ly thân, bà N đã về nhà cha mẹ để sống tại ấp Bàu Hốt, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng sống làm nghề hớt tóc thu nhập bình quân khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi kiên quyết xin ly hôn với ông Đỗ Minh Đ.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 20/02/2016. Bà yêu cầu được quyền nuôi con chung, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải bị đơn ông Đỗ Minh Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng có hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế, do thời điểm năm 2018 – 2019 tôi có quen biết bạn bè rồi đi chơi cùng họ, không lo làm ăn, dẫn đến nợ nần nhiều. Sau đó mâu thuẫn về tình cảm, ông nghi ngờ bà N không chung thủy trong tình cảm vợ chồng. Hiện tại vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại ông còn thương yêu vợ con, không đồng ý ly hôn, yêu cầu Tòa án cho đoàn tụ để cùng chăm lo cho con.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 20/02/2016. Ông yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại ông làm nghề tự do, mới mua 800 cây cao su cạo đục, nay bắt đầu cạo, theo ông thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà N và ông Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 20/02/2016. Do con chung còn nhỏ, để đảm bảo không ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX giao con chung Đỗ Minh H cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, buộc bị đơn cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại: Xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Nữ T N và ông Đỗ Minh Đ chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 01/02/2016, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nguyên đơn trình bày mâu thuẫn gia đình do nguyên đơn không tin tưởng bị đơn, không hợp nhau, bị đơn không quan tâm đến gia đình dẫn đến thường xuyên cãi nhau, hiện đã ly thân, mâu thuẫn không hàn gắn được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Bị đơn cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế, thời điểm năm 2018 – 2019 bị đơn có quen biết bạn bè rồi đi chơi, không lo làm ăn, dẫn đến nợ nhiều. Bị đơn nghi ngờ nguyên đơn không chung thủy trong tình cảm vợ chồng. Hiện tại đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, bị đơn còn thương yêu vợ con, không đồng ý ly hôn, yêu cầu Tòa án cho đoàn tụ để cùng chăm lo cho con.

Tại Biên bản xác minh ngày 30/6/2020 được UBND xã T; Công an xã T; UBND khu phố Bàu Hốt, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng xác nhận: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu địa phương giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, hiện tại đã ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Do đó, HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định nguyên đơn và bị đơn có với nhau 01 con chung tên là Đỗ Minh H, sinh ngày 20/02/2016. HĐXX xét các điều kiện về nuôi con, sự ổn định

tâm lý của trẻ, điều kiện đảm bảo cho trẻ nhỏ được phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và trí tuệ nên giao con chung Đỗ Minh H cho nguyên đơn Nguyễn Nữ T N nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: HĐXX cân nhắc các điều kiện kinh tế, nhu cầu sinh hoạt của trẻ, với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng của nguyên đơn là hợp lý nên chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, các Điều 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Nữ T N đối với bị đơn ông Đỗ Minh Đ.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Nữ T N được ly hôn với bị đơn ông Đỗ Minh Đ.

2. Về con chung: Giao con Đỗ Minh H, sinh ngày 20/02/2016 cho bà Nguyễn Nữ T N trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Đỗ Minh Đ cấp dưỡng nuôi con Đỗ Minh H 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Không ai được cản trở ông Đỗ Minh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Nữ T N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0043312, ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Minh Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (số 07/2016);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mùi